

Số: 08/2011/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 352

Ngày: 5 tháng 5 năm 2011

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Ứng dụng công nghệ thông tin,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 1; khoản 1 và khoản 2 Điều 6; Điều 8; khoản 1 Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13 của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 1 như sau:

"4. Chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng;

5. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 6 như sau:

"Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng

Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng tuân theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP, trong đó:

1. Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng theo mẫu tại Phụ lục VII Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng của Bộ Thông tin và Truyền thông".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"Điều 8. Thủ tục cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Tổ chức xin cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (thuộc các trường hợp cấp mới; thay đổi nội dung; cấp lại; gia hạn giấy phép) gửi hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin), 18 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin) cấp giấy biên nhận qua đường bưu điện hoặc cấp trực tiếp cho tổ chức xin cấp phép.

Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp nhận hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức xin cấp phép, trong đó hẹn ngày trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp không hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức xin cấp phép.

2. Tổ chức thẩm tra hồ sơ

Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm tra hồ sơ và lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định. Các cơ quan, đơn vị được hỏi phải có ý kiến thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của hồ sơ thuộc chức năng quản lý của mình.

3. Trả kết quả giải quyết hồ sơ

Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định: cấp phép; thay đổi nội dung giấy phép; cấp lại hoặc gia hạn giấy phép. Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mẫu tại Phụ lục IX Thông tư 37/2009/TT-BTTTT.

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức xin cấp phép, trong đó nêu rõ lý do".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

"1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng xin cấp chứng thư số gửi 05 bộ hồ sơ (1 bộ là bản chính, 4 bộ là bản sao) qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến trụ sở của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia (Trung tâm Chứng thực chữ ký số quốc gia) tại địa chỉ: số 6 Chùa Một Cột, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia cấp giấy biên nhận qua đường bưu điện hoặc cấp trực tiếp cho tổ chức xin cấp chứng thư số.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hợp lệ, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia tiếp nhận hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức xin cấp chứng thư số, trong đó hẹn ngày trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp không hợp lệ, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia thông báo bằng văn bản cho tổ chức xin cấp chứng thư số".

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"Điều 11. Thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng gửi hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin), 18 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin) cấp giấy biên nhận qua đường bưu điện hoặc cấp trực tiếp cho tổ chức đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp nhận hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng, trong đó hẹn ngày trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp không hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.

2. Trả kết quả giải quyết hồ sơ

a) Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng;

b) Trong vòng 60 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng theo mẫu tại Phụ lục X Thông tư này.

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký, trong đó nêu rõ lý do".

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"Điều 12. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin), 18 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin) cấp giấy biên nhận qua đường bưu điện hoặc cấp trực tiếp cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp nhận hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng, trong đó hẹn ngày trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp không hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.

2. Tổ chức thẩm tra hồ sơ

Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm tra hồ sơ và lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định. Các cơ quan, đơn vị được hỏi phải có ý kiến

thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của hồ sơ thuộc chức năng quản lý của mình.

3. Trả kết quả giải quyết hồ sơ

Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng. Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng theo mẫu tại Phụ lục XI Thông tư này.

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng, trong đó nêu rõ lý do".

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

"1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài đề nghị cấp giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin), 18 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin) cấp giấy biên nhận qua đường bưu điện hoặc cấp trực tiếp cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp nhận hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài, trong đó hẹn ngày trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp không hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị cấp giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài.

2. Tổ chức thẩm tra hồ sơ

Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm tra hồ sơ và lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Các cơ quan, đơn vị được hỏi phải có ý kiến thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của hồ sơ thuộc chức năng quản lý của mình.

3. Trả kết quả giải quyết hồ sơ

Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định cấp giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài. Giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục XII Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT.

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị cấp giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do".

Điều 2. Thay thế các Phụ lục VI, Phụ lục VII, Phụ lục X, Phụ lục XI của Thông tư 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số bằng các Phụ lục VI, Phụ lục VII, Phụ lục X, Phụ lục XI tương ứng được ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

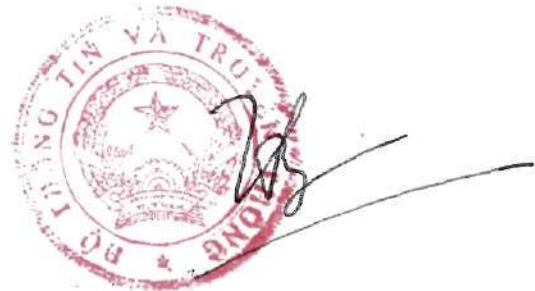
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Đơn vị chuyên trách CNTT các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Website Bộ TT&TT;
- Lưu: VT, UDCNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Minh Hồng

Phụ lục VI

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP
DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ
chứng thực chữ ký số chuyên dùng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP
DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng) đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng với các nội dung sau:

1. Thông tin về cơ quan, tổ chức

- Tên giao dịch tiếng Việt:
- Tên giao dịch tiếng Anh:.....
- Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh số ... do ...cấp ngày ... tháng ... năm...
- Địa chỉ:
- Điện thoại cơ quan:.....Fax:.....
- E-mail: Website:

2. Nội dung đăng ký

- Thông tin chi tiết về người đứng đầu:
- Thông tin chi tiết về người chịu trách nhiệm quản trị hệ thống:

- Phạm vi và đối tượng cung cấp dịch vụ:

Các giao dịch điện tử giữa các cá nhân, tổ chức thuộc (*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng*) theo quy định tại: ... (*Điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ cấu tổ chức chung*)

Các giao dịch điện tử giữa (*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng*) và các tổ chức.....
theo quy định tại văn bản số: ...(*Văn bản quy phạm pháp luật quy định hình thức liên kết, hoạt động chung*)

- Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng:.....
.....
.....

3. Tài liệu gửi kèm theo

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1.			
2.			
3.			
...			

4. Cam kết

(*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng*) cam kết xin chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật.

(*Người đại diện của tổ chức*)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục VII**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

*(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ
chứng thực chữ ký số chuyên dùng)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (*Tên tổ chức*),

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng) có trụ sở tại ..., có Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng với các nội dung sau:

1. Nội dung giấy đăng ký cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng

a. Tên và địa chỉ của tổ chức cung cấp dịch vụ:

.....
.....

b. Người đứng đầu và người chịu trách nhiệm quản trị hệ thống:

.....
.....

c. Phạm vi và đối tượng cung cấp dịch vụ:

Các giao dịch điện tử giữa các cá nhân, tổ chức thuộc (*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng*) theo quy định tại: ... (*Điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ cấu tổ chức chung*)

Các giao dịch điện tử giữa (*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng*) và các tổ chức.....
theo quy định tại văn bản số: ... (*Văn bản quy phạm pháp luật quy định hình thức liên kết, hoạt động chung*)

d. Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng:

.....
.....
.....

2. Loại chứng thư số

.....
.....
.....

3. Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng

Hệ thống kỹ thuật cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng*) đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật tại Phụ lục đính kèm.

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ số gửi kèm

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1.			
2.			
3.			
...			

5. Cam kết

(*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng*) cam kết xin chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật.

(*Người đại diện của tổ chức*)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục

**TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC
CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký
số chuyên dùng) XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO
AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG**

(Kèm theo đơn đề nghị số...)

Số TT	Loại chuẩn	Tên chuẩn
1.		
2.		
3.		
...		

Phụ lục X
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA
TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC
CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN-BTTTT

Hà Nội, ngày...tháng...năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ
CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG

(Có giá trị từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CHỨNG NHẬN

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)

Tên giao dịch tiếng Anh: ..., có trụ sở tại ..., có Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ..., được hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên và địa chỉ của tổ chức cung cấp dịch vụ

.....
.....

2. Người đứng đầu và người chịu trách nhiệm quản trị hệ thống

.....
.....

3. Phạm vi và đối tượng cung cấp dịch vụ

Các giao dịch điện tử giữa các cá nhân, tổ chức thuộc (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng) theo quy định tại: ... (Điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ cấu tổ chức chung)

Các giao dịch điện tử giữa (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng) và các tổ chức theo quy định tại văn bản số:...(Văn bản quy phạm pháp luật quy định hình thức liên kết, hoạt động chung)

4. Loại chứng thư số

.....
.....

5. Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng

Hệ thống kỹ thuật cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng*) đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật tại Phụ lục đính kèm.

6. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng

(*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng*) chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng được quy định tại Luật Giao dịch điện tử và Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do cơ quan quản lý nhà nước ban hành.

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC
CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG (*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký*
số chuyên dùng)
(*Kèm theo Giấy chứng nhận số .../GCN-BTTTT*)

Số TT	Loại chuẩn	Tên chuẩn
1.		
2.		
3.		
...		

Phụ lục XI**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DỤNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GCN-BTTTT

*Hà Nội, ngày...tháng...năm...***GIẤY CHỨNG NHẬN****ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DỤNG**

(Có giá trị từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**CHỨNG NHẬN**

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)

Tên giao dịch tiếng Anh: ..., có trụ sở tại ..., có Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ..., đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên và địa chỉ của tổ chức cung cấp dịch vụ

.....
.....

2. Người đứng đầu và người chịu trách nhiệm quản trị hệ thống

.....
.....

3. Phạm vi và đối tượng cung cấp dịch vụ

Các giao dịch điện tử giữa các cá nhân, tổ chức thuộc *(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)* theo quy định tại: ... *(Điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ cấu tổ chức chung)*

Các giao dịch điện tử giữa *(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)* và các tổ chức
theo quy định tại văn bản số: ...*(Văn bản quy phạm pháp luật quy định hình thức liên kết, hoạt động chung)*

4. Loại chứng thư số

5. Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng

Hệ thống kỹ thuật cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng*) đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật tại Phụ lục đính kèm.

6. Trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng

(*Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng*) chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng được quy định tại Luật Giao dịch điện tử và Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do cơ quan quản lý nhà nước ban hành.

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục

**TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC
CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG** (*Tên tổ chức cung cấp*

dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)

(*Kèm theo Giấy chứng nhận số .../GCN-BTTTT*)

Số TT	Loại chuẩn	Tên chuẩn
1.		
2.		
3.		
...		